TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnhân phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023
V/v *"tranhân chấp ly hôn"*

NHÂN DANHÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng S

2. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Ông Vũ Văn Long.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về "Tranhân chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S – sinh năm 1982.

HKTT và chổ ở hiện nay: Tổ 4, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc S đã sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009 theo đúng quy định của pháp luật tại UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống hạnhân phúc, tuy nhiên đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Từ nhữngmâu thuẫn liên quan đến tình cảm về cuộc sống gia đình, không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau, cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, ảnhân hưởng cuộc sống của cả hai bên. Mặc dù bà T và gia đình hai bên đã cố gắng khuyên răn, hàn gắn nhà nhưng cả hai vợ chồng đều nhận thấy

không còn tìnhân cảm thương yêu nhau nhânư trước nên không thể tiếp tục sống chung. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/3/2011. Khi ly hôn bà T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tải sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc S: Tại biên bản xác minhân ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Tòa án, kết quả xác minhân hiện ông S không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ A39, tổ 4, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nữa mà ông S đã đi làm ăn xa nhà nhưng vẫn đi đi về về địa chỉ này vì đây là nơi ba mẹ của ông S đang sinh sống, đây cũng là nơi trước kia vợ chồng ông S, bà T sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông S thì địa phương không biết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho ông S tuy nhiên ông S không có mặt theo thông báo của Tòa án. Ông S cũng không có văn bản ghi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/3/2011 cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S có địa chỉ tại A39, tổ 4, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Ngọc S đến phiên tòa nhà nhưng ông S vắng mặt; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc S chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp. Đối với ông Nguyễn Ngọc S, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên ông S vắng mặt không có lý do, có thái độ trốn tránh, không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời ông S cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi của mình cho Tòa án mặc dù vẫn thường xuyên sinh sống tại địa phương chứng tỏ ông S đã bỏ mặc không quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà T.

Qua các chứng cứ và lời khai của nguyên đơn tại tòa án chứng tỏ mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông S là có thật và không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng:

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc S có một người con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/3/2011. Xét thấy hiện nay bà T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu H hiện đang còn nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc giáo dục của mẹ, hơn nữa cũng để phù hợp với nguyện vọng của bà T và cháu H nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; ông Nguyễn Ngọc S không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T; Xử cho bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/3/2011 cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhà nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnhân hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng nhânư cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí*:* Bà Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhà nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009110, ngày 11 tháng 10 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Ngọc S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Ngọc S biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA tỉnh BRVT
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh;
- Đương sự**;**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thu Hiền